

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HC-PT

Ngày: 16-9-2022

V/v: Khiếu kiện hành vi hành chính
của UBND phường Lộc Vượng,
thành phố Nam Định

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Hà Nam

- *Các Thẩm phán:* Ông Lê Hoài Nam
Ông Mai Anh Tuấn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*
Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử theo trình tự phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 03/2022/TLPT-HC ngày 08 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐXXPT-HC ngày 06 tháng 9 năm 2022 đối với:

- Người khởi kiện: Ông Trần Văn H, sinh năm 1960; địa chỉ: Số nhà 587 đường T, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định;

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Trần Huy T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Trần Đức Y - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định

Tại phiên tòa: Có mặt ông Trần Văn H, vắng mặt ông Trần Đức Y (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 7 năm 2021, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng người khởi kiện là ông Trần Văn H trình bày:

1. Ông có thửa đất số 308 đường 38A cũ nay là số 587 đường T, phường L, thành phố N, vị trí tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đường T rộng 5m, phía Tây giáp ruộng rộng 5m, phía Nam giáp nhà bà L dài 46m, phía Bắc giáp đường nhà ông Trần Doãn T (tên thường gọi là Thi) và nhà ông D dài 46m. Tại phần giáp ranh với đất nhà ông T thì hiện tại hai bên chưa xác định được ranh giới, mốc giới với lý do sau khi ông san lấp xong thì ông T tự ý cắm mốc lấn sang phần đất của ông. Khi ông T cắm mốc thì cũng không có ai chứng kiến.

Ngày 12-6-2004 đoàn đo đạc đến lập biên bản xác định ranh giới mốc giới của hộ nhà ông và các hộ liền kề là bà L và ông D đã ký giáp ranh; còn phần giáp nhà ông T thì Ủy ban nhân dân phường L không xác định ranh giới, mốc giới. Sự việc này ông đã có ý kiến đến miền 38A đề nghị giải quyết.

Ngày 17-4-2005 ông đã làm đơn gửi Ủy ban nhân dân phường L yêu cầu xác định ranh giới, mốc giới cho thửa đất của ông. Ông đã gặp ông Trần Sỹ Q - cán bộ địa chính phường L. Ông Q đã đọc đơn của ông và hướng dẫn ông làm 02 bản với nội dung như nhau (1 bản gửi Ủy ban nhân dân phường L và 01 bản gửi Xí nghiệp trắc địa bản đồ 202).

Ngày 20-4-2005 ông đã mang đơn đến nộp cho ông Q. Ông Q đã giữ lại một bản và viết tay vào 1 bản tờ đơn của ông với nội dung “Chuyển xí nghiệp trắc địa bản đồ 202 xuống xác định lại ranh giới, mốc giới cho gia đình”. Sau đó ông Q yêu cầu ông chuyển đến tổ đo đạc của xí nghiệp (địa chỉ: xã X, thành phố N). Khi nhận đơn của ông thì đại diện của xí nghiệp không trả lời bằng văn bản mà trả lời bằng miệng rằng sẽ kết hợp với Ủy ban nhân dân phường L để xác định ranh giới mốc giới. Khi nào tiến hành qua Ủy ban nhân dân phường L thì sẽ thông báo với gia đình sau, vì việc này phụ thuộc vào sự bố trí, sắp xếp của Ủy ban nhân dân phường. Tuy nhiên từ ngày Ủy ban nhân dân phường L và Xí nghiệp trắc địa bản đồ 202 nhận đơn của ông đến nay đã được 16 năm nhưng không nhận được thông báo nào của Ủy ban nhân dân phường L và Xí nghiệp trắc địa bản đồ 202 về việc đo đạc xác định lại ranh giới mốc giới nói trên.

Theo các tài liệu lưu trữ tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố N có hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 41, tờ bản đồ số 31 mang tên ông - Trần Văn H được Xí nghiệp trắc địa bản đồ 202 ký ngày 25-9-2006 và Ủy ban nhân dân phường L ký ngày 02-10-2006. Mọi dữ liệu trong hồ sơ kỹ thuật trùng khớp với dữ liệu trong biên bản xác định ranh giới mốc giới ngày 12-6-2004. Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 31 cùng với sổ mục kê và mọi dữ liệu đều trùng khớp với

biên bản xác định ranh giới mốc giới ngày 12-6-2004. 16 năm đã qua mà Ủy ban nhân dân phường L và Xí nghiệp trắc địa bản đồ 202 đã cố tình không xem xét, giải quyết đơn của ông. Như vậy hành vi của Ủy ban nhân dân phường L đã tiếp tay cho ông T sử dụng trái phép đất của ông, gây khó khăn cho ông, tiếp tay cho ông Thu lấn chiếm đất của ông.

- Hơn 16 năm Ủy ban nhân dân phường L không xác định ranh giới, mốc giới cho ông làm cho hộ ông T xả nước thải sinh hoạt sang phần đất của ông. Ngày 22-4-2021 ông T đã lấn chiếm đất của ông bằng cách rào phần đất của nhà ông lại.

- Ngày 23-5-2021 ông đã làm đơn đề nghị gửi Ủy ban nhân dân phường L và Công an phường L, tổ dân phố số 20, phường L yêu cầu can thiệp giúp ông các vấn đề như sau: Xác định ranh giới, mốc giới thửa đất nhà ông. Yêu cầu ông T chấm dứt việc xả thải sang đất nhà ông. Yêu cầu ông T tháo dỡ, dọn hàng rào đã rào trên đất nhà ông. Yêu cầu người nhà ông T chấm dứt hành vi đe dọa đối với ông. Ông đã gửi đơn với nội dung như trên nhưng Ủy ban nhân dân phường L không xuống hiện trường để xem xét nên ông vẫn thường xuyên bị đe dọa.

- Ngày 05-6-2021 Ủy ban nhân dân phường L có tổ chức buổi làm việc với các thành phần như sau: Đại diện chính quyền có: Ông Trần Đức Y - Phó chủ tịch UBND phường L; ông Trần Sỹ Q và ông Nguyễn Tiến T - Cán bộ địa chính phường L; ông Trần Quang Hu - tổ trưởng tổ dân phố số 20, ông Đinh Văn H - công an khu vực phường L. Các bên tranh chấp gồm có: Ông Trần Văn H và anh Trần Doãn H1 (con trai ông T). Tuy nhiên buổi làm việc ngày 05-6-2021 tiến hành không đúng thành phần do ông T không có ủy quyền cho anh Hoàng. Ủy ban nhân dân phường đã lập biên bản buổi làm việc và ông H có ký vào biên bản đó.

2. Chính vì những nội dung mà ông đã trình bày ở trên nên ông khởi kiện Ủy ban nhân dân phường L với các nội dung như sau:

2.1. Ủy ban nhân dân phường L nhận đơn đề nghị xác định ranh giới mốc giới của ông 16 năm mà không giải quyết là trái quy định của pháp luật.

2.2. Ủy ban nhân dân phường L ký xác nhận sơ đồ kỹ thuật thửa đất đối với thửa đất số 41, tờ bản đồ số 31 ngày 02-10-2006 khi chưa được chủ sử dụng đất ký biên bản xác định ranh giới mốc giới mà ký theo dữ liệu của người lấn chiếm đất là ông T. Ông T đã lấn chiếm đất của ông và tự đặt ra ranh giới mốc giới từ năm 2004 là trái quy định của pháp luật.

2.3. Ủy ban nhân dân phường L đã cố tình không mời ông T (là người có

tranh chấp mốc giới với ông) mà mời con trai ông T là anh Trần Doãn H1 tham gia là không đúng quy định của pháp luật.

2.4 Ủy ban nhân dân phường L chỉ quan tâm đến việc hai nhà chưa có sổ đỏ, không quan tâm đến thực tế khách quan là:

- Ông đã đóng thuế đất hàng năm, còn nhà ông T không đóng thuế.
- Đất nhà ông T được san lấp bằng ruộng còn cái ao ba nhà chung trong đó có phần đất của ông được san lấp bằng cát.

Như vậy Ủy ban nhân dân phường L không xem xét đến thực tế khách quan để giải quyết là không đúng với quy định của pháp luật.

2.5. Khi nhận được đơn đề nghị giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất của ông thì Ủy ban nhân dân phường L đã không xuống thực địa xem xét để sự việc diễn ra ngày càng nghiêm trọng hơn là trái quy định của pháp luật.

2.6. Khi ông và ông T không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp đất. Ông đã đề nghị Ủy ban nhân dân phường L, Công an phường L và tổ trưởng tổ dân phố số 20 giải quyết thì đã không được Ủy ban nhân dân phường giải quyết mà còn có những lời lẽ kích động làm cho sự việc ngày càng nghiêm trọng hơn, cụ thể: Tại buổi làm việc ngày 05-6-2021 ông Trần Đức Y có khẳng định hai bên gia đình chưa có sổ đỏ nên Ủy ban nhân dân phường không giải quyết, có đưa ra Tòa án thì Tòa án cũng không giải quyết. Ông Trần Sỹ Q nói cơ sở giải quyết vụ việc là sổ đỏ, hai nhà chưa có sổ đỏ nên chưa có cơ sở giải quyết. Tất cả các tài liệu như (bản đồ, sổ mục kê, thuế đất, việc san lấp đất) theo ông Q đều không phải là cơ sở pháp lý để giải quyết nên hai bên phải tự thỏa thuận giải quyết. Ông Nguyễn Tiến T nói: Hai bên chưa thỏa thuận được với nhau thì Ủy ban nhân dân phường L không nhận và không giải quyết bất kỳ đơn nào nữa. Khi ông Hu nói: Ông đã xuống thực địa và thấy sự việc diễn ra như ông H đã trình bày trong đơn, nhắc nhở hai bên giữ an ninh trật tự và nói thêm rằng ông H đóng thuế đất đầy đủ, còn ông T thì không đóng thuế đất hàng năm; lúc đó ông Q có cắt ngang lời của ông Hu và nói “Thuế không phải là cơ sở pháp lý để giải quyết vấn đề, đóng thuế là tự khai mà đóng”. Khi ông nói đến việc cái ao chung giữa nhà ông, bà L và ông M được san lấp bằng cát, còn đất nhà ông T thì được san lấp bằng đất ruộng thì mọi người im lặng nhưng không ghi vào biên bản.

2.7. Ủy ban nhân dân phường L đã vu khống ông khi viết vào trong biên bản làm việc câu như sau “Năm 2015 ông H có đơn đề nghị thống nhất ranh giới. Ông Hòa có đề nghị ông T để được phép sử dụng phía sau”. Ông khẳng định không có

sự việc ông đề nghị ông T như trong biên bản đã viết.

Như vậy những lời nói của lãnh đạo và cán bộ địa chính phường L là kích động, tiếp tay cho anh H1. Anh H1 đã tuyên bố tiếp tục xả thải (vì đây là đất của gia đình anh) và tiếp tục lấn sâu hơn nữa vào đất nhà ông (cho đến nay hàng rào và ống nước thải vẫn còn).

2.8. Đề nghị Tòa án tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường L là trái pháp luật, và buộc Ủy ban nhân dân phường L phải bồi thường thiệt hại cho ông do hành vi hành chính trái pháp luật gây ra, cụ thể: Vì không xác định được ranh giới, mốc giới nên 130m² ông không sử dụng được như: 130m² đất ông có ý định xây dựng thành 05 phòng trọ khép kín để cho thuê. Giá thuê 01 phòng là 500.000 đồng/tháng x 05 phòng = 2.500.000 đồng/1 tháng. Đến nay là 17 năm 02 tháng = 206 tháng x 2.500.000 đồng/tháng = 515.000.000 đồng.

Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, ông Trần Đức Y - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L trình bày:

1. Ngày 20-4-2005 ông Trần Văn H có đơn gửi Ủy ban nhân dân phường L và Xí nghiệp đo đạc bản đồ 202 đề nghị xác định mốc giới thửa đất có liên quan đến hộ giáp ranh là ông Trần Doãn T (tên gọi khác là Th). Do việc xác định ranh giới mốc giới lập bản đồ và hồ sơ kỹ thuật thửa đất để phục vụ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc này là do thành phố N ký hợp đồng trực tiếp với Đoàn đo đạc. Nên Ủy ban nhân dân phường không có chức năng và được giao nhiệm vụ chuyên môn đo đạc xác lập bản đồ địa chính và hồ sơ kỹ thuật thửa đất trên địa bàn thành phố nói chung và địa bàn phường L nói riêng.

Nên khi nhận được đơn đề nghị của ông H cán bộ địa chính phường đã đọc nội dung đơn và đề nghị chủ hộ gia đình đem đơn đến gặp trực tiếp cán bộ của đoàn đo đạc để được tiếp nhận giải quyết theo nội dung đề nghị.

Từ thời điểm đó năm 2005 đến ngày 25-5-2021 ông Trần Văn H mới tiếp tục có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân phường giải quyết tranh chấp mốc giới với hộ ông Trần Doãn T.

Theo báo cáo của Đoàn đo đạc tại thời điểm đó không thực hiện được việc đo đạc ranh giới mốc giới với 2 hộ ông H và ông T lý do ông T không công nhận phần đất mà ông H cho là của nhà ông H đòi hỏi đoàn đo đạc xác nhận vào thửa đất của nhà ông H. Vì thửa đất trên ông Thư sử dụng từ những năm 1982

do đó đơn vị đo đạc không xác lập được hồ sơ kỹ thuật thửa đất. Ông H không có căn cứ cơ sở pháp lý nên việc xác định ranh giới vẫn tồn tại cho đến thời điểm hiện tại.

Việc ông H cho rằng Ủy ban nhân dân phường nhận đơn đã hơn 16 năm không giải quyết là không có cơ sở vì nội dung cần giải quyết và cơ quan có thẩm quyền giải quyết là Đơn vị đo đạc 202. Chức năng đo đạc bản đồ lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất Ủy ban nhân dân phường không có chức năng và thẩm quyền để giải quyết theo quy định.

2. Việc ký hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 41 tờ bản đồ 31 theo hồ sơ hoàn công của Đoàn đo đạc với các cấp có thẩm quyền trong đó có Ủy ban nhân dân phường L còn Biên bản xác định ranh giới mốc giới giữa hộ ông H và ông T chưa thống nhất được nên chưa ký.

Hồ sơ kỹ thuật thửa đất do đơn vị đo đạc Đoàn 202 xác lập, Hồ sơ này được Ủy ban nhân dân phường ký để xác định đơn vị đo đạc đã thực hiện trình tự đo đạc và xác nhận hoàn công. Trên thực tế không ảnh hưởng đến việc quản lý sử dụng đất đối với hộ ông H vì trên hồ sơ kỹ thuật không có thành phần của chủ sử dụng đất ký.

3. Về nội dung Ủy ban nhân dân phường không giải quyết tranh chấp do 2 bên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chức năng của UBND phường chỉ có chức năng thụ lý đơn, nghiên cứu nội dung đơn căn cứ hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính sổ mục kê qua các thời kỳ để phân tích hòa giải cho hai bên. Do cả hai bên đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vẫn đang tranh chấp. Nên buổi hòa giải không thành Ủy ban nhân dân phường đề nghị hai bên phải thỏa thuận và nhất trí được ranh giới mốc giới từ đó mới có cơ sở để xác định mốc giới và mời cơ quan có thẩm quyền về đo đạc lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất để làm căn cứ giải quyết các vấn đề pháp lý cho các bên.

4. Việc ông H cho rằng mời hai bên đến hòa giải theo nội dung đơn đề nghị ngày 05-6-2021. Sau khi nhận được đơn đề nghị Ủy ban nhân dân phường đã nghiên cứu và mời đại diện ông H, đại diện ông Trần Doãn T cùng các thành phần tham gia khác. Tuy nhiên do tuổi cao sức yếu ông T không tham gia được buổi hòa giải và có anh H là con trai và cũng là người đại diện duy nhất của ông T. Khi bắt đầu buổi làm việc cho đến khi kết thúc buổi làm việc Ủy ban nhân dân phường đã thông qua lý do, thành phần và nội dung buổi làm việc ông H không có bất kỳ ý kiến nào và đã ký vào biên bản Hòa giải ngày 05-6-2021.

Tất cả nội dung buổi làm việc đã được thể hiện thông qua biên bản số 18/BB-UBND ngày 05-6-2021 của Ủy ban nhân dân phường L.

Cho đến nay hai bên vẫn chưa thống nhất được ranh giới mốc giới tại thực địa với tính chất tranh chấp giữa hai hộ phức tạp có liên quan đến thời điểm nguồn gốc sử dụng đất tính pháp lý và các giấy tờ pháp lý liên quan. Ủy ban nhân dân phường L đề nghị Tòa án nhân thành phố N xem xét hướng dẫn các bên chuyển sang vụ án tranh chấp đất đai để được giải quyết theo quy định.

5. Việc ông H trình bày ngày 20-4-2005 ông đã mang đơn đến nộp cho ông Trần Sỹ Q. Ông Q đã giữ lại một bản và viết tay vào 1 bản tờ đơn của ông với nội dung “Chuyển xí nghiệp trắc địa bản đồ 202 xuống xác định lại ranh giới, mốc giới cho gia đình” là không đúng. Ông Q khẳng định không giữ lại 1 bản như ông H đã trình bày mà viết tay vào 1 bản để ông H trực tiếp đến Xí nghiệp trắc địa bản đồ 202 để nộp.

6. Quan điểm của Ủy ban nhân dân phường: Ủy ban nhân dân phường L làm việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, không vi phạm pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H. Chính vì vậy Ủy ban nhân dân phường L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Nếu ông H và ông T có đề nghị Ủy ban nhân dân phường L hòa giải tranh chấp giữa hai bên thì Ủy ban nhân dân phường sẽ tiếp tục hòa giải theo quy định.

7. Tại đơn đề nghị ngày 14-6-2022, Ủy ban nhân dân phường L trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban đã trình bày toàn bộ nội dung và cung cấp toàn bộ tài liệu chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án. Nay Ủy ban giữ nguyên những nội dung đã trình bày và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Hiện nay do công việc chính quyền địa phương rất bận nên Ủy ban đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên hòa giải và các phiên tòa xét xử tại Tòa án các cấp.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/ST-HC ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 và 4 Điều 3; Điều 29; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm đ khoản 1 Điều 123; điểm g, h khoản 1 Điều 143; khoản 1 Điều 158; Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2019;

Căn cứ vào các Điều 100, 202 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 584 và Điều 585 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 2 của Luật người cao tuổi năm 2009;

Căn cứ vào Điều 88 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 được sửa đổi bổ sung tại khoản 57 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H đối với các hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường L do đã hết thời hiệu khởi kiện:

1.1. Ông Trần Văn H khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường L đã nhận đơn đề nghị xác định ranh giới, mốc giới của ông ngày 17-4-2005 đến nay là 16 năm không giải quyết.

1.2. Ông Trần Văn H khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường L ký xác nhận Hồ sơ kỹ thuật thửa đất đối với thửa đất số 41, tờ bản đồ số 31, địa chỉ 308 T, phường L, thành phố N ngày 02-10-2006 khi chưa được chủ sử dụng đất ký biên bản xác định ranh giới mốc giới.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H đối với các hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường L do không phải là hành vi hành chính bị kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

2.1. Ông Trần Văn H yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường L khi giải quyết chỉ quan tâm đến việc hai nhà chưa có sổ đỏ, không quan tâm đến thực tế khách quan là ông H đã đóng thuế đất hàng năm, còn nhà ông T không đóng thuế; đất nhà ông T được san lấp bằng ruộng còn cái ao ba nhà chung trong đó có phần đất của ông được san lấp bằng cát.

2.2. Ông Trần Văn H khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường L khi nhận được đơn đề nghị giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất của ông thì Ủy ban nhân dân phường L đã không xuống thực địa xem xét.

2.3. Ông Trần Văn H khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường L khi ông và ông T không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp đất. Ông đã đề nghị Ủy ban nhân dân phường L, Công an phường L và tổ trưởng tổ dân phố số 20 giải quyết thì đã không được Ủy ban nhân dân phường giải quyết mà còn có những lời lẽ kích động làm cho sự việc ngày càng nghiêm trọng hơn.

2.4. Ông Trần Văn H khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường L đã vu khống ông khi viết vào trong biên bản làm việc.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường L vì trong phiên giải quyết ngày 05-6-2021 Ủy ban nhân dân phường L đã cố tình không mời ông T (là người có tranh chấp mốc giới với ông) mà mời con trai ông T là anh Trần Doãn H1 tham gia.

4. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân phường L bồi thường thiệt hại số tiền 515.000.000 đồng (Năm trăm mười năm triệu đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ nộp tiền án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự, theo quy định của pháp luật.

Ngày 04-7-2022 và ngày 10-7-2022 ông Trần Văn H lần lượt gửi đơn kháng cáo và đơn kháng cáo bổ sung, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định với lý do nội dung bản án sơ thẩm nêu trên không khách quan. Yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, đưa ra xét xử lại từ đầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Trần Văn H vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật tố tụng Hành chính. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng Hành chính về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện là ông Trần Văn H; sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm. Về án phí hành chính phúc thẩm, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Trần Văn H nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015 được coi là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 3; Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm b khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Trần Văn H yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, đưa ra xét xử lại từ đầu. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy:

[2.1] Đối với nội dung kháng cáo của ông Trần Văn H cho rằng cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện là Ủy ban nhân dân (UBND) phường L nên việc tranh tụng tại phiên tòa không có, do vậy nội dung bản án không khách quan. HĐXX nhận thấy; theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng Hành chính, thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong các trường hợp người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện của họ vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do việc người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; cho nên cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện là UBND phường L là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo của ông Trần Văn H cho rằng cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông đối với hành vi hành chính của UBND phường L. HĐXX nhận thấy: Ngày 17-4-2005 ông Trần Văn H đề nghị Ủy ban nhân dân phường L và Xí nghiệp trắc địa bản đồ 202 xác định ranh giới mốc giới diện tích đất 230m² thuộc số nhà 587 đường T, phường L, thành phố N. Việc ông Trần Văn H đề nghị xem xét hành vi của Ủy ban nhân dân phường L ngày 02-10-2006 đã ký xác nhận Hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 41, tờ bản đồ số 31, địa chỉ 308 T, phường L, thành phố N khi chưa được chủ sử dụng đất ký biên bản xác định ranh giới, mốc giới mà ký theo dữ liệu của người lấn chiếm đất là ông T. Xét thấy sau khi nhận được đơn đề nghị của ông H vào ngày 17-4-2005 nói trên, mặc dù UBND phường L không xem xét giải quyết các nội dung trong đơn. Nhưng ông Hòa không thực hiện quyền khiếu nại tiếp theo lên UBND thành phố N hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án ở thời điểm đó theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Khiếu nại, Tố cáo năm 1998. Cho đến ngày 06-7-2021 ông H mới khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án nhân dân thành phố N là hết thời hiệu khởi kiện. Việc cấp sơ thẩm căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 143 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của ông Trần Văn Hòa là đúng pháp luật.

[2.3] Đối với nội dung kháng cáo của ông Trần Văn H cho rằng trong phiên giải quyết ngày 05-6-2021 Ủy ban nhân dân phường L đã cố tình không mời ông Trần Doãn T (là người có tranh chấp mốc giới với ông) mà chấp nhận tư cách anh Trần Doãn H1 là con trai của ông T tham gia; trong khi giữa ông T và anh H1 không có ủy quyền bằng văn bản. Nhưng vẫn được cấp sơ thẩm chấp nhận là trái pháp luật. HĐXX xét thấy: Ngày 23-5-2021 ông Trần Văn H đã làm đơn đề nghị gửi Ủy ban nhân dân phường L và Công an phường L, tổ dân phố số 20 phường L yêu cầu can thiệp giúp ông các vấn đề như sau: Xác định ranh giới, mốc giới thửa đất nhà ông với thửa đất của gia đình ông Trần Doãn T; yêu cầu

ông T chấm dứt việc xả thải sang đất nhà ông; yêu cầu ông T tháo dỡ, dọn hàng rào đã rào trên đất nhà ông. Đến ngày 05-6-2021 UBND phường L có lập Biên bản giải quyết theo đơn đề nghị của ông Trần Văn H (Viết tắt là Biên bản giải quyết ngày 05-6-2021) BL94-97; với thành phần gồm.

Đại diện UBND phường L: Ông Trần Đức Y - Phó chủ tịch UBND phường; ông Trần Sỹ Q - Công chức địa chính; ông Nguyễn Văn T - Công chức địa chính;

Đại diện nguyên đơn, bị đơn: Ông Trần Văn H - Số 587 T, tổ 20, phường L; ông Trần Doãn H1 - Đại diện ông Trần Doãn T;

Đại diện tổ dân phố số 20: Ông Trần Quang Hu - Tổ trưởng tổ dân phố;

Đại diện Công an phường: Ông Đinh Văn H - Công an phường.

Căn cứ Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai; Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Đất đai năm 2013; cụ thể quy định về thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai. Xét thấy thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai của UBND phường Lộc Vượng vào ngày 05-6-2021 không đúng quy định của pháp luật; cụ thể như:

Về mặt hình thức: Theo quy định của pháp luật thì UBND phường L phải lập Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai. Nhưng UBND phường L lại lập Biên bản giải quyết ngày 05-6-2021 là không đúng quy định của pháp luật.

Về thành phần Hội đồng hòa giải: Theo quy định của pháp luật thì thành phần hòa giải gồm có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND là Chủ tịch Hội đồng, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường, tổ trưởng tổ dân phố, đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại phường biết rõ nguồn gốc và quá trình sử dụng đất xảy ra tranh chấp, cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp phường; tùy từng trường hợp cụ thể có thể mời đại diện Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Xét thấy trong Biên bản giải quyết ngày 05-6-2021 của UBND phường L còn thiếu thành phần của Hội đồng hòa giải là đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường L là không đúng quy định của pháp luật.

Về thành phần các bên đương sự: Theo quy định của pháp luật thì việc hòa giải chỉ được tiến hành khi các bên tranh chấp đều có mặt. Xét thấy trong Biên bản giải quyết ngày 05-6-2021 của UBND phường L có mặt ông H và anh Trần Doãn H1 (là con trai của ông Trần Doãn T) trong khi ông T không có ủy quyền bằng văn bản cho anh Hoàng thay mặt ông tham gia là không đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nói trên HĐXX xét thấy, việc UBND phường L lập Biên bản giải quyết theo đơn đề nghị của ông Trần Văn H vào ngày 05-6-2021 là trái quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn H. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của ông H sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 01/2022/ST-HC ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N. Tuyên bố hành vi hành chính lập Biên bản giải quyết theo đơn đề nghị của ông Trần Văn H vào ngày 05-6-2021 của UBND phường L, thành phố N là trái quy định của pháp luật. Buộc UBND phường L, thành phố N phải tiến hành thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai theo đơn đề nghị ngày 23-5-2021 ông Trần Văn H, theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án, cấp sơ thẩm còn một số thiếu sót như: Không đưa ông Trần Doãn T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên HĐXX xét thấy không cần thiết phải hủy Bản án sơ thẩm số 01/2022/ST-HC ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, để giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm xét xử lại. Vì thiếu sót nêu trên sẽ được khắc phục khi UBND phường L, thành phố N phải tiến hành thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai theo đơn đề nghị ngày 23-5-2021 ông Trần Văn H theo đúng quy định của pháp luật, như nhận định ở phần trên. Thiếu sót trong việc viện dẫn không chính xác các quy định của pháp luật trong phần quyết định của bản án cụ thể là các Điều 584, 585 Bộ luật Dân sự năm 2015 vào việc bác yêu cầu của ông Trần Văn Hòa về việc buộc UBND phường L bồi thường thiệt hại số tiền 515.000.000 đồng; trong trường hợp này chỉ cần viện dẫn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015 là đủ. Vì vậy cần phải rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm để tránh các thiếu sót tương tự trong quá trình giải quyết các vụ án hành chính.

[2.4] Đối với một số nội dung kháng cáo của ông Trần Văn H cho rằng trong khi xét xử nhiều chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm đưa ra không minh bạch. Trong quá trình xét xử tại phiên tòa cấp sơ thẩm đã bỏ qua nhiều tình tiết quan trọng, dẫn đến nội dung bản án không khách quan. Văn bản mà ông H đã gửi Tòa án cấp sơ thẩm, ý kiến của ông H trình bày tại phiên tòa sơ thẩm không được ghi nhận, không được thể hiện trong bản án. Tại phiên tòa sơ thẩm ông H có đưa ra tám ảnh chụp rào, kè và đất mới vượt lập, thể hiện hộ gia đình ông Thư vẫn tiếp tục thay đổi hiện trạng, vẫn tiếp tục lấn chiếm đất của gia đình ông mà UBND phường L không có biện pháp ngăn chặn. Tại phiên tòa sơ thẩm HĐXX đưa ra 03 Biên bản xác định ranh giới, mốc giới của 03 thửa đất, trong đó có thửa đất số 41 mang tên ông Hòa; thửa đất số 31 và thửa đất số 33 mang tên ông Trần Doãn Thư; các Biên bản này đều không có chữ ký của ông Hòa, chữ ký của cán bộ địa chính phường; nhưng Ủy ban nhân dân phường L đã ký

vào hồ sơ kỹ thuật của 03 thửa đất trên là trái pháp luật. HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Luật Tố tụng Hành chính. Mặt khác các nội dung kháng cáo nêu trên của ông H đều liên quan đến nội dung kháng cáo đã được HĐXX nêu và nhận định ở mục [2.3] nói trên. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận các nội dung kháng cáo này của ông H.

[2.5] Đối với nội dung kháng cáo của ông Trần Văn H cho rằng, bản án sơ thẩm quyết định đình chỉ đối với một số yêu cầu khởi kiện của ông H, với lý do các yêu cầu này không phải là hành vi hành chính bị kiện, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là trái quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy, đối với một số yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H như việc ông cho rằng UBND phường L khi giải quyết chỉ quan tâm đến việc hai nhà chưa có sổ đỏ, không quan tâm đến thực tế khách quan là ông H đã đóng thuế đất hàng năm, còn nhà ông T không đóng thuế...; UBND phường L không xuống thực địa để xem xét giải quyết làm cho sự việc diễn ra ngày càng nghiêm trọng hơn; khi sự việc tranh chấp ranh giới, mốc giới giữa ông và ông Thư xảy ra UBND phường L không những không giải quyết mà còn có những lời lẽ kích động làm cho sự việc ngày càng nghiêm trọng hơn; UBND phường L đã vu khống cho ông khi viết vào trong biên bản làm việc nội dung “Năm 2015 ông H có đơn đề nghị thống nhất ranh giới, ông H có đề nghị ông T để được phép sử dụng phía sau”. Xét thấy các hành vi nêu trên không phải là hành vi hành chính bị kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Cấp sơ thẩm căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 123; điểm h khoản 1 Điều 143 của Luật tố tụng hành chính năm 2015 đình chỉ các yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H đối với các hành vi hành chính nói trên của Ủy ban nhân dân phường Lộc Vượng là có căn cứ.

[2.6] Đối với nội dung kháng cáo của ông Trần Văn H cho rằng, bản án sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông về việc buộc UBND phường L phải bồi thường cho ông H số tiền 515.000.000 đồng là trái với quy định tại khoản 2 Điều 206 Luật số 45/2013/QH13. HĐXX xét thấy, tại phiên tòa ông H trình bày do hành vi trái pháp luật của Ủy ban nhân dân phường L nên ông không xác định được mốc giới. Nếu ông xác định được mốc giới thì sẽ xây dựng được 05 phòng trọ cho thuê. Như vậy đối với yêu cầu bồi thường này của ông Trần Văn H chưa có thiệt hại thực tế xảy ra, ông H cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Vì vậy cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường của ông H là có căn cứ.

[3] Từ nhận định trên đây, HĐXX xét thấy: Cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông H sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H; Tuyên bố hành vi hành chính lập Biên bản giải quyết theo đơn đề nghị của ông Trần Văn H vào ngày 05-6-2021 của UBND phường L, thành phố N là trái quy định của pháp luật. Buộc UBND phường L, thành phố N phải tiến hành thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai theo đơn đề nghị ngày 23-5-2021 ông Trần Văn H, theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần cho nên ông Trần Văn H không phải nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Buộc UBND phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định, phải nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015.

1.1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Văn H sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 01/2022/ST-HC ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N.

1.2. Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm c khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015; Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Đất đai năm 2013.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H về đề nghị Tòa án tuyên bố hành vi hành chính lập Biên bản giải quyết theo đơn đề nghị của ông Trần Văn H vào ngày 05-6-2021 của UBND phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định là trái pháp luật.

- Buộc UBND phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định phải tiến hành thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai theo đơn đề nghị ngày 23-5-2021 ông Trần Văn H theo đúng quy định của pháp luật.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 241; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm đ khoản 1 Điều 123; điểm g, h khoản 1 Điều 143; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015.

Bác kháng cáo của ông Trần Văn H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về các nội dung sau:

2.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H đối với các hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường L do đã hết thời hiệu khởi kiện:

- Ông Trần Văn H khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường L đã nhận đơn đề nghị xác định ranh giới, mốc giới của ông ngày 17-4-2005 đến nay là 16 năm không giải quyết.

- Ông Trần Văn H khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường L ký xác nhận Hồ sơ kỹ thuật thửa đất đối với thửa đất số 41, tờ bản đồ số 31, địa chỉ 308 T, phường L, thành phố N ngày 02-10-2006 khi chưa được chủ sử dụng đất ký biên bản xác định ranh giới mốc giới.

2.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H đối với các hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường L do không phải là hành vi hành chính bị kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

- Ông Trần Văn H yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường L khi giải quyết chỉ quan tâm đến việc hai nhà chưa có sổ đỏ, không quan tâm đến thực tế khách quan là ông H đã đóng thuế đất hàng năm, còn nhà ông T không đóng thuế; đất nhà ông T được san lấp bằng ruộng còn cái ao ba nhà chung trong đó có phần đất của ông được san lấp bằng cát.

- Ông Trần Văn H khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường L khi nhận được đơn đề nghị giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất của ông thì Ủy ban nhân dân phường L đã không xuống thực địa xem xét.

- Ông Trần Văn H khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường L khi ông và ông T không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp đất. Ông đã đề nghị Ủy ban nhân dân phường L, Công an phường L và tổ trưởng tổ dân phố số 20 giải quyết thì đã không được Ủy ban nhân dân phường giải quyết mà còn có những lời lẽ kích động làm cho sự việc ngày càng nghiêm trọng hơn.

- Ông Trần Văn H khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường L đã vu khống ông khi viết vào trong biên bản làm việc.

2.3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân phường L bồi thường thiệt hại số tiền 515.000.000 đồng (Năm trăm mười năm triệu đồng).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 348 Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc UBND phường, thành phố N, tỉnh Nam Định, phải nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Ông Trần Văn H không phải nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Vũ Hà Nam

THẨM PHÁN	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Lê Hoài Nam Mai Anh Tuấn	Vũ Hà Nam